TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Ông Nguyễn Trường Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 06/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/QĐST-DS ngày 22/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lục Văn Q**, sinh năm 1991; trú tại: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/3/2025) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị T1**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ*

án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2023, 2024 bà Nguyễn Thị Minh T có làm chủ hụi và bà Bùi Thị T1 có tham gia, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch hụi mở hàng tháng vào ngày 29, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng), hụi có 21 phần, bà T1 tham gia 01 phần, góp hụi sống được 09 lần đến lần thứ 10 thì hốt hụi. Sau khi hốt hụi thì có đóng thêm 03 lần hụi chết thì không đóng nữa. Vì vậy dây hụi này bà T1 còn nợ 08 lần hụi chết x 2.000.000đ/lần = 16.000.000 đồng. Hụi này đã mãn ngày 29/02/2025 âm lịch.

- Dây hụi 500.000 đồng áp ngày 27/01/2024 âm lịch hụi mở hàng tuần vào ngày thứ năm hàng tuần, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 250.000 đồng), hụi có 39 phần, bà T1 tham gia 02 phần, góp hụi sống mỗi phần được 07 lần đến lần thứ 08 thì hốt 01 phần. Sau khi hốt hụi thì bà T1 có đóng hụi sống, hụi chết mỗi phần thêm 08 lần thì hốt phần hụi còn lại. Sau khi hốt hụi thì bà T1 có đóng hụi chết mỗi được 08 lần thì không đóng nữa. Vì vậy dây hụi này bà T1 còn nợ mỗi phần 14 lần hụi chết x 500.000đ/lần = 7000.000 đồng x 02 phần = 14.000.000 đồng. Hụi này đã mãn ngày 28/11/2024 âm lịch.

Tổng cộng bà T1 còn nợ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

Bà Bùi Thị T1 không có chồng.

Ngoài ra bà Bùi Thị T1 có thiếu tiền hụi của 03 dây hụi: Hụi 1.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng áp ngày 30/8/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng áp ngày 20/7/2023 âm lịch nhưng những dây hụi này đến nay chưa mãn.

Ngày 18/11/2024 giữa bà T bà bà T1 có chốt nợ với nhau tính hết các dây hụi đến khi mãn hụi thì bà T1 còn nợ số tiền 187.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và bà T1 có ký vào giấy nhận nợ. Nhưng từ khi ký vào giấy nhận nợ đến nay bà T1 chưa trả đồng nào.

Nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị T1 phải trả số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng của 03 dây hụi đã mãn, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa*:**

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn bà Bùi Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn bà Bùi Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể là tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T, buộc bị đơn bà Bùi Thị T1 phải trả cho nguyên đơn bà T số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Bùi Thị T1, nhưng bị đơn bà Bùi Thị T1 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải đối với vụ án. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "*.....Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự trong vụ án, nhưng bị đơn bà Bùi Thị T1 vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Bùi Thị T1 phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu và bị đơn bà Bùi Thị T1 không có yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp*

đồng dân sự góp hụi, đồng thời bị đơn bà Bùi Thị T1 có nơi cư trú tại ấp N, xã V, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T và bị đơn bà Bùi Thị T1 có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau, cụ thể:

- Dây hụi 2.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch hụi mở hàng tháng vào ngày 29, hụi có 21 phần, bà T1 tham gia 01 phần và đã lĩnh hụi, còn nợ lại 08 lần hụi chết x 2.000.000đ/lần = 16.000.000 đồng.

- Dây hụi 500.000 đồng áp ngày 27/01/2024 âm lịch hụi mở hàng tuần vào ngày thứ năm hàng tuần, hụi có 39 phần, bà T1 tham gia 02 phần và đã lĩnh hụi hết 02 phần, còn nợ lại (14 lần hụi chết x 500.000đ/lần) x 02 phần = 14.000.000 đồng.

Tổng cộng là 116.000.000 đồng.

Từng lần lĩnh hụi bị đơn bà Bùi Thị T1 đều có ký và ghi họ tên vào "BIÊN LAI GIAO HỤI" (các bút lục số 13, 14, 15).

Ngoài ra, bị đơn bà Bùi Thị T1 có tham gia các dây hụi 1.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng áp ngày 30/8/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng áp ngày 20/7/2023 âm lịch nhưng những dây hụi này đến nay chưa mãn.

Ngày 18/11/2024 bị đơn bà Bùi Thị T1 có ký và ghi họ tên vào "GIẤY NHẬN NỢ" tổng cộng số tiền còn thiếu đối với các dây hụi nêu trên là 187.000.000 đồng (Bút lục số 12).

Tuy số tiền bị đơn bà Bùi Thị T1 có ký và ghi họ tên vào "GIẤY NHẬN NỢ" là 187.000.000 đồng, nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện buộc bị đơn bà Bùi Thị T1 phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T số tiền hụi còn thiếu đối với dây hụi 2.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch và dây hụi 500.000 đồng áp ngày 27/01/2024 âm lịch; còn đối với dây hụi 1.000.000 đồng áp ngày 29/5/2023 âm lịch, hụi 3.000.000 đồng áp ngày 30/8/2023 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng áp ngày 20/7/2023 âm lịch do thời điểm gửi đơn khởi kiện hụi chưa mãn nên chưa khởi kiện. Vì vậy HĐXX chỉ có căn cứ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà

Nguyễn Thị Minh T buộc bị đơn bà Bùi Thị T1 phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng.

Do đó, nay bị đơn bà Bùi Thị T1 có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng. Vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Bùi Thị T1 phải chịu 1.500.000 đồng (30.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn bà Bùi Thị T1 phải phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T **30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng) tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Minh T, nếu bà Bùi Thị T1 không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà T thì hàng tháng bà T1 còn phải trả tiền lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Bùi Thị T1 phải chịu **1.500.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh T 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002627 ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/6/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh